

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **135/2017/HSST**

Ngày: 19/12/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Nữa.
2. Bà Đặng Thu Hà.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Nguyễn Hạnh Ngân - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quốc Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại khu vực Hoa viên HL - Số 207 đường B H, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 158/2017/HSST ngày 13 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Quốc H (tên thường gọi là HĐ); Giới tính: nam; Sinh năm: 1992; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 240/13/52 đường NVL, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 5/12; Con ông: Trần Quốc V và bà: Trần Thị Tuyết H; Có vợ: không và con: không; Tiền sự: không; Tiền án: ngày 05/12/2012, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội «Cướp giật tài sản» (Bản án số: 175/2012/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/02/2016 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 190/GCN của Trại giam Thanh Hòa); Bị bắt tạm giam ngày 17/8/2017.

(có mặt)

Người bị hại:

Bà Trần Thị Minh T; Sinh năm: 1965; Trú tại: 605/17 đường PVC, Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Trần Ngọc X; Sinh năm: 1958; Trú tại: 22 đường số 2, khu tái định cư LCH, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NHẬN THẤY

Bị cáo Trần Quốc H bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào lúc 18 giờ 40 phút ngày 17/8/2017, Trần Quốc H trong lúc điều khiển xe gắn máy biển số 59S2-003.06 lưu thông trên đường NVL (hướng từ vòng xoay Phú Lâm về ngã tư đường Hậu Giang) thì phát hiện bà Trần Thị Minh T đang điều khiển xe gắn máy lưu thông cùng chiều phía trước và bà Tâm có đeo sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng trên cổ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt sợi dây chuyền này bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định, H điều khiển xe bám theo bà T. Khi đến trước nhà số 419 đường NVL, Phường L, Quận F, H cho xe chạy lên áp sát xe bà T, đồng thời dùng tay phải giật đứt sợi dây chuyền của bà T rồi vọt xe định tẩu thoát. Ngay lập tức, bà T chụp tay H kéo lại làm cả hai té ngã xuống đường. H liền bỏ xe chạy bộ tẩu thoát, nhưng bị quần chúng xung quanh phát hiện đuổi theo bắt giữ H giao Công an Phường L, Quận F giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 6: Trần Quốc H khai nhận đã thực hiện hành vi như nêu trên.

Người bị hại và người làm chứng khai cũng tương tự.

Tại Văn bản số: 1541/TCKH ngày 01 tháng 9 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6 thống nhất giá như sau: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng có trọng lượng 3,5 gam, có mặt dây chuyền trọng lượng 1,5 gam hình tròn bằng kim loại màu trắng chính giữa có một lỗ tròn xung quanh có cần nhiều hạt đá thường màu trắng (mua mới tháng 02/2017), có giá trị là: 3.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 127/CTr-VKS ngày 13 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Quốc H về tội « Cướp giật tài sản » theo điểm c, điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Quốc H khai nhận chính bị cáo đã sử dụng xe gắn máy loại xe Yamaha Sirius, màu trắng đen (bị cáo không nhớ biển số) thực hiện hành vi giật của bà Trần Thị Minh T 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng (có mặt dây chuyền) tại trước nhà số 419 đường NVL, Phường L, Quận F vào tối ngày 17/8/2017 và bị bắt quả tang như bản cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Quốc H như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Trần Quốc Hùng từ 05 năm đến 06 năm tù về tội « Cướp giật tài sản » theo điểm c, điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Đã thỏa thuận giải quyết xong, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo Trần Quốc H tại phiên tòa là phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người bị hại Trần Thị Minh T, của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Quốc H đã phạm tội « Cướp giật tài sản », tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Bị cáo Trần Quốc H đã dùng xe mô tô làm phương tiện để cướp giật của bà Trần Thị Minh T 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền bằng kim loại màu trắng, có trọng lượng 5 gam trị giá 3.500.000 đồng, là phạm tội « Cướp giật tài sản » thuộc trường hợp: « Dùng thủ đoạn nguy hiểm » theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hành vi của bị cáo Trần Quốc H không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung mà còn có thể gây hậu quả khó lường cho tính mạng, sức khỏe của người bị hại và của những người tham gia lưu thông nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo Trần Quốc H có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng do có lối sống buông thả, tham lam, lười lao động lại muốn có tiền để tiêu xài và nhất là xem thường pháp luật, nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nêu trên.

Bị cáo Trần Quốc H đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý là « tái phạm nguy hiểm » thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố. Mặt khác, ngày 26/9/2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội « Cướp tài sản » (Bản án số: 178/2008/HSST), bị cáo kháng cáo và ngày 16/01/2009, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án sơ thẩm và tuyên phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù (Bản án số 163/2009/HSPT). Mặc dù, ở lần phạm tội này bị cáo chưa đủ 16 tuổi nên không tính để xác định tái phạm, nhưng cũng cho thấy bị cáo tuy tuổi đời còn nhỏ, nhưng lại rất liều lĩnh và táo bạo.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Trần Quốc H là rất nghiêm trọng, bởi cướp giật tài sản từ lâu đã trở thành vấn nạn nhức nhối, trở thành nỗi ám ảnh của không ít người dân, gây bức xúc trong dư luận, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị

cáo có thái độ thành khẩn khai báo. Sau sự việc xảy ra, cô của bị cáo là bà Trần Ngọc X đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 136 của Bộ luật hình sự, thì bị cáo Trần Quốc H còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng, xét bị cáo không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không phạt tiền đối với bị cáo.

Việc bồi thường thiệt hại: Bị cáo Trần Quốc H chiếm đoạt và làm thiệt hại của bà Trần Thị Minh T 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền bằng kim loại màu trắng (trọng lượng 5 gam). Ngày 02/11/2017, bà Trần Ngọc X (cô ruột bị cáo) đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bà T 5.000.000 đồng (theo Biên nhận về việc bồi thường thiệt - BL73), do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Việc xử lý vật chứng: Chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius biển số 59S2-003.06 mà bị cáo Trần Quốc H sử dụng làm phương tiện phạm tội. Cơ quan điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bà Trần Ngọc X, nên ngày 09/11/2017 đã xử lý trả lại cho bà Xuân, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với việc bà Trần Thị Minh T khai bị thương khi hai xe té ngã xuống đường, nhưng bà T từ chối giám định, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bị cáo Trần Quốc H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Trần Quốc H** (HĐ) phạm tội: « Cướp giật tài sản ».
- Áp dụng điểm c, điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.
- Xử phạt bị cáo **Trần Quốc H** (HĐ) 06 (sáu) năm tù.
Thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2017.
- Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Quốc H phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7

và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Trần Quốc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại Trần Thị Minh T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 135/2017/HSST

Ngày 19 tháng 12 năm 2017

TRÍCH SAO BẢN ÁN HÌNH SỰ

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 135/2017/HSST ngày 19/12/2017.

Đối với bị cáo: **Trần Quốc Hùng** (tên thường gọi là Hùng Đen); Giới tính: nam; Sinh năm: 1992; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 240/13/52 đường Nguyễn Văn Luông, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 5/12; Con ông: Trần Quốc Việt và bà: Trần Thị Tuyết Hạnh; Có vợ: không và con: không; Tiền sự: không; Tiền án: ngày 05/12/2012, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội «Cướp giết tài sản». Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/02/2016; Bị bắt tạm giam ngày 17/8/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Trần Quốc Hùng** (Hùng Đen) phạm tội: « Cướp giết tài sản ».

- Áp dụng điểm c, điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo **Trần Quốc Hùng** (Hùng Đen) 06 (sáu) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2017.

- Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Quốc Hùng phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Trần Quốc Hùng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại Trần Thị Minh Tâm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên